

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó:														
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tản	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
	Tổng cộng	2.318.780,00	31.967,00	-	48.000,00	13.000,00	51.980,00	8.450,00	-	-	-	1.701.582,00	472.000,00	1.209.582,00	-	1.100,00	462.701,00
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	146.750,00										146.750,00		146.750,00			
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.967,00	3.967,00														
3	Sở Y tế	22.065,00				22.065,00											
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.100,00														1.100,00	
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7.600,00						7.600,00									
6	Tỉnh đoàn	850,00						850,00									
7	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa	10.633,00										10.633,00		10.633,00			
8	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	33.000,00			33.000,00												
9	Công an tỉnh	13.000,00				13.000,00											
10	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	15.000,00			15.000,00												
11	Ban Xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	727.880,00										727.880,00		727.880,00			
12	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	158.915,00	28.000				29.915					101.000,00	81.000				
13	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	315.319,00										315.319,00		315.319,00			
14	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	391.000,00										391.000,00	391.000,00				
15	Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ”	4.000,00										4.000,00		4.000,00			
16	Hỗ trợ chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn	5.000,00										5.000,00		5.000,00			
17	Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia	27.000,00															27.000,00
18	Bù hụt thu năm 2021, thanh toán công trình hoàn thành khi có quyết toán và các nhiệm vụ khác	35.800,00															35.800,00
19	Lập, thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	11.200,00															11.200,00
20	Chuẩn bị đầu tư	15.000,00															15.000,00
21	Phân cấp cho cấp huyện, thành phố	373.701,00															373.701,00